

Số: 121/TB-ĐQLTTS3

Ninh Kiều, ngày 01 tháng 02 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc bán tài sản công theo hình thức niêm yết giá

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 29/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 29/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Công văn số 12006/BTC-QLCS ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc thông báo việc đăng tải thông tin trên Trang thông tin điện tử về tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-CQLTT ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Cục Quản lý thị trường thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng,

Đội Quản lý thị trường số 3 thông báo bán tài sản công theo hình thức niêm yết giá như sau:

1. Tên, địa chỉ, điện thoại của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản

- Tên cơ quan: Đội Quản lý thị trường số 3 - Cục Quản lý thị trường thành phố Cần Thơ.

- Địa chỉ: số 20D đường Lê Thánh Tôn, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Điện thoại: 0292 3824915.

2. Mã số cuộc niêm yết: 01/2023/NYĐ3.

3. Tên tài sản niêm yết giá

- Tên tài sản: Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân gồm:

+ 119,5 kg móng giò lợn đông lạnh, xuất xứ Nga.

+ 49,5 kg tai heo đông lạnh, xuất xứ Nga.

+ 50,5 kg mực đông lạnh, xuất xứ Đài Loan.



- Giá bán tài sản: **21.590.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi một triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng).

- Hàng hóa trên đã được lấy mẫu phân tích, kết quả đạt theo TCVN 7047:2020 về thịt đông lạnh và TCVN 5289:2006 về thủy sản đông lạnh (Kèm theo 03 mẫu Báo cáo kết quả phân tích, mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.07 của Công ty TNHH Công nghệ NHONHO).

4. Số tiền đặt trước và hình thức nộp tiền đặt trước

- Người đăng ký mua tài sản phải đặt trước số tiền là 20% so với giá bán tài sản và nộp bằng tiền mặt trực tiếp tại Đội Quản lý thị trường số 3.

- Sau khi xác định được người mua tài sản, Đội Quản lý thị trường số 3 sẽ trả lại số tiền đặt trước cho người đăng ký nhưng không mua được tài sản.

5. Địa điểm, thời hạn xem tài sản

- Địa điểm xem tài sản: số 330B đường Hoàng Quốc Việt, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Thời hạn xem tài sản: Từ ngày 02 tháng 02 năm 2023 đến hết ngày 08 tháng 02 năm 2023 (Sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ).

6. Quy định người không được tham gia mua tài sản

a) Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký mua tài sản không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

b) Người có thẩm quyền quyết định bán tài sản; người trực tiếp giám định, đánh giá lại giá trị tài sản;

c) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại điểm b khoản này.

7. Thời hạn đăng ký và nộp tiền đặt trước

- Thời hạn đăng ký và nộp tiền đặt trước: Từ ngày 02 tháng 02 năm 2023 đến ngày 08 tháng 02 năm 2023.

- Địa điểm nộp tiền đặt trước: Đội Quản lý thị trường số 3, địa chỉ: số 20D đường Lê Thánh Tôn, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

8. Thời gian lựa chọn người được quyền mua tài sản

- Thời gian lựa chọn người được mua tài sản: Lúc 08 giờ 00 phút, ngày 09 tháng 02 năm 2023.

- Địa điểm: Đội Quản lý thị trường số 3, địa chỉ: số 20D đường Lê Thánh Tôn, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

9. Thông tin cần thiết khác

- Phiếu đăng ký mua tài sản do Đội Quản lý thị trường số 3 phát hành; mỗi tổ chức, cá nhân đăng ký mua tài sản được phát 02 Phiếu đăng ký mua tài sản. Người đăng ký mua tài sản điền đầy đủ thông tin và gửi lại một Phiếu đăng ký cho Đội Quản lý thị trường số 3; một Phiếu đăng ký do người đăng ký mua tài sản giữ để tham gia bốc thăm.

- Trường hợp người đăng ký mua tài sản không có mặt đúng thời gian tổ chức bốc thăm thì sẽ không được tham gia mua tài sản.

Đội Quản lý thị trường số 3 thông báo đến các tổ chức, cá nhân được biết và đăng ký mua tài sản theo quy định. Thông báo này thay cho giấy mời và được niêm yết công khai tại trụ sở Đội Quản lý thị trường số 3./.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử về tài sản công;
- Trang thông tin điện tử Cục QLTT TPCT;
- Niêm yết tại trụ sở Đội QLTT số 3;
- Lãnh đạo Cục QLTT;
- Phòng TC - HC (để phối hợp);
- Lưu: VT, HS.

ĐỘI TRƯỞNG



Lê Hoài Nhã



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.07

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : ĐỘI QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG SỐ 03 CẦN THƠ
Address (Địa chỉ) : 20D LÊ THÁNH TÔN, PHƯỜNG TÂN AN, NINH KIỀU, CẦN THƠ

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC121310049
Information provided by applicant : MỤC KH01
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi zip
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 10/01/2023
Sample tested on (Ngày phân tích) : 11/01/2023
Report date (Ngày trả kết quả) : 17/01/2023

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHI

On behalf of NHO
Đại diện NHO



HOÀNG BÁ NGHI

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phu 4 KDC, Binh Khanh district, HCM city.

- Can Tho office 1: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
- Can Tho office 2: Area 6, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Thai Nguyen office: 07 Thong Nhat street, Thai Nguyen city, Thai Nguyen province.



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.07

Code/ Mã mẫu: YC121310049/1

Sample name/ Tên mẫu: MỰC KH01

Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	TCVN 5289 : 2006
Cảm quan (Mùi)	TCVN 5277:1990	/	/	Mùi đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi lạ	-
Cảm quan (Trạng thái)	TCVN 5277:1990	/	/	Nguyên con, khí nấu chín thịt giòn, dai, không bở	-
Cảm quan (Màu sắc)	TCVN 5277:1990	/	/	Lớp vỏ ngoài màu tím nhạt, thịt mực màu trắng	-
Phát hiện Vibrio parahaemolyticus	ISO 21872-1:2017	Phát hiện/25g	eLOD=3CFU /25g	ND	10 ²
Staphylococcus aureus	AOAC 975.55	CFU/g	10 CFU/g	<10	10 ²
Phát hiện Salmonella spp. ⁽¹⁾	ISO 6579-1: 2017/ Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD=3 CFU/25g	ND	0
Clostridium perfringens ⁽¹⁾	ISO 7937:2004	CFU/g	10 CFU/g	<10	10 ²
Định lượng vi sinh vật hiếu khí (TPC) ⁽¹⁾	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)	CFU/g	10 CFU/g	1.5x10 ³	10 ⁶
Định lượng E.Coli ⁽¹⁾	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	CFU/g	10 CFU/g	<10	10 ²
Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND	1.0
Chì (Pb) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.016	ND	1.0
Asen (As) ⁽¹⁾	AOAC 986.15	mg/kg	0.010	ND	0.5
Histamin ⁽¹⁾	MKL-HH608 Ref. AOAC 977.13	mg/kg	0.200	ND	100
Methyl Thủy Ngân (MeHg)	MKL-HH718 Ref. Food analytical methods, 8(9), 2383-2391	mg/kg	0.100	ND	0.5

Conclusion/ Kết luận:

Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu theo quy định theo TCVN 5289 : 2006 về thủy sản đông lạnh

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.07

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : ĐỘI QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG SỐ 03 CẦN THƠ
Address (Địa chỉ) : 20D LÊ THÁNH TÔN, PHƯỜNG TÂN AN, NINH KIỀU, CẦN THƠ

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC121310048
Information provided by applicant : CHÂN GIÒ HEO KH03
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi zip
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 10/01/2023
Sample tested on (Ngày phân tích) : 11/01/2023
Report date (Ngày trả kết quả) : 16/01/2023

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử: Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHI

On behalf of NHO

Đại diện NHO



HOÀNG BÁ NGHI

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phu 4 KDC, Binh Chanh district, HCM city.

- Can Tho office 1: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
- Can Tho office 2: Area 6, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Thai Nguyen office: 07 Thong Nhat street, Thai Nguyen city, Thai Nguyen province.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com

Page/ Trang: 1 / 2



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.07

Code/ Mã mẫu:		YC121310048/3			
Sample name/ Tên mẫu:		CHÂN GIÒ HEO KH03			
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	TCVN 7047:2020 (b); Thông tư 10/2016/TT- BNNPTNT (c)
pH	TCVN 4835:2002	/	/	6.11	5.5-6.2
Định tính Hydrosulfua(H ₂ S)	TCVN 3699:1990	/	/	Âm tính	Âm tính
Hàm lượng Amoniac(NH ₃)	MKL-HH894 Ref. TCVN 3706:1990	mg/100g	10.0	11.6 < LOQ(30)	≤35
Cảm quan (Mùi)	MKL-HH223 Ref.TCVN 3215:1979	/	/	Mùi đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi lạ	Mùi thơm đặc trưng của thịt luộc, không có mùi lạ
Cảm quan(Màu sắc)	MKL-HH223 Ref.TCVN 3215:1979	/	/	Màu sắc đặc trưng cho sản phẩm	Màu đặc trưng của sản phẩm
Cảm quan(Trạng thái)	MKL-HH223 Ref.TCVN 3215:1979	/	/	Bề mặt khô sạch, không dính lông và tạp chất lạ. Mặt cắt thịt mịn, có độ đàn hồi	Khối thịt đông cứng, dính tay, bề mặt khô, gõ có tiếng vang, không có băng đá trên bề mặt nhưng có thể có một ít tuyết trên bề mặt ngoài của khối thịt; không bị rã đông
Phát hiện Salmonella spp. ⁽¹⁾	ISO 6579-1: 2017/ Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD=3 CFU/25g	ND	Không được có
Định lượng E.Coli ⁽¹⁾	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	CFU/g	10 CFU/g	<10	5.0x10 ³
Định lượng vi sinh vật hiếu khí (TPC) ở 30°C ⁽¹⁾	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)	CFU/g	10 CFU/g	1.1x10 ³	5.0x10 ⁶
Chì (Pb) ⁽¹⁾	MKL-HH960 Ref. AOAC 2013.06	mg/kg	0.01	ND	0.1
Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	MKL-HH960 Ref. AOAC 2013.06	mg/kg	0.01	ND	0.05
Salbutamol ⁽¹⁾	MKL-HH609 Ref. AEMS-2015; page 58- 61	µg/kg	0.100	ND	Cấm sử dụng (c)
Conclusion/ Kết luận: Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu theo quy định danh mục thuốc thú y cấm sử dụng theo Thông tư 10/2016/TT-BNNPTNT (d) và TCVN 7047:2020 (b) về thịt đông lạnh					

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.07

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : ĐỘI QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG SỐ 03 CẦN THƠ
Address (Địa chỉ) : 20D LÊ THÁNH TÔN, PHƯỜNG TÂN AN, NINH KIỀU, CẦN THƠ

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

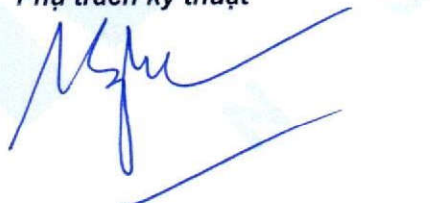
JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC121310048
Information provided by applicant : LỖ TAI HEO KH 02
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi zip
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 10/01/2023
Sample tested on (Ngày phân tích) : 11/01/2023
Report date (Ngày trả kết quả) : 16/01/2023

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHI

On behalf of NHO

Đại diện NHO



HOÀNG BÁ NGHI



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM01 LBH.07

Code/ Mã mẫu: YC121310048/1

Sample name/ Tên mẫu: LỖ TAI HEO KH 02

Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	TCVN 7047:2020 (b); Thông tư 10/2016/TT- BNNPTNT (c)
pH	TCVN 4835:2002	/	/	6.02	5.5-6.2
Định tính Hydrosulfua(H ₂ S)	TCVN 3699:1990	/	/	Âm tính	Âm tính
Hàm lượng Amoniac(NH ₃)	MKL-HH894 Ref. TCVN 3706:1990	mg/100g	10.0	12.9 < LOQ(30)	≤35
Cảm quan (Mùi)	MKL-HH223 Ref.TCVN 3215:1979	/	/	Mùi đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi lạ	Mùi thơm đặc trưng của thịt luộc, không có mùi lạ
Cảm quan(Màu sắc)	MKL-HH223 Ref.TCVN 3215:1979	/	/	Màu sắc đặc trưng cho sản phẩm	Màu đặc trưng của sản phẩm
Cảm quan(Trạng thái)	MKL-HH223 Ref.TCVN 3215:1979	/	/	Bề mặt khô sạch, không dính tạp chất lạ. Mặt cắt thịt mịn, có độ đàn hồi	Khối thịt đông cứng, dính tay, bề mặt khô, gỗ có tiếng vang, không có băng đá trên bề mặt nhưng có thể có một ít tuyết trên bề mặt ngoài của khối thịt; không bị rã đông
Phát hiện Salmonella spp. ⁽¹⁾	ISO 6579-1: 2017/ Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD=3 CFU/25g	ND	Không được có
Định lượng E.Coli ⁽¹⁾	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	CFU/g	10 CFU/g	<10	5.0x10 ³
Định lượng vi sinh vật hiếu khí (TPC) ở 30°C ⁽¹⁾	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)	CFU/g	10 CFU/g	4.4x10 ²	5.0x10 ⁶
Chì (Pb) ⁽¹⁾	MKL-HH960 Ref. AOAC 2013.06	mg/kg	0.01	ND	0.1
Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	MKL-HH960 Ref. AOAC 2013.06	mg/kg	0.01	ND	0.05
Salbutamol ⁽¹⁾	MKL-HH609 Ref. AEMS-2015; page 58- 61	µg/kg	0.100	ND	Cấm sử dụng (c)

Conclusion/ Kết luận:

Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu theo quy định danh mục thuốc thú y cấm sử dụng theo Thông tư 10/2016/TT-BNNPTNT ^(d) và TCVN 7047:2020 ^(b) về thịt đông lạnh